TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG
Bản án số: 28/2024/DS-ST
Ngày 28/6/2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Kim Niệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 432/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ A, ấp F, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Quốc L, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương. Hợp đồng ủy quyền ngày 07/12/2023. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Trần Hồng N, sinh năm 1983; ông Hồ Văn M, sinh năm 1973; cùng địa chỉ: Ấp F, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Quốc L trình bày: Vào ngày 24/02/2022, ông H có cho bà Trần Hồng N và ông Hồ Văn M vay số tiền là 70.000.000đ, vay để nộp tiền thuế đất thổ cư, hai bên có làm giấy vay tiền, thời hạn vay là 01 tháng, bà N, ông M có ký tên vào giấy vay tiền, nội dung trong giấy vay tiền là do bà N viết. Lãi suất theo hai bên thỏa thuận là 1.5%/tháng. Từ ngày vay đến nay thì bà N, ông M không trả tiền gốc và lãi cho ông H. Sau khi khởi kiện khoảng 03 tháng thì bà N, ông M có gán cho ông H bàn ghế và đồ dùng mà bà N bán quán, 02 bên thống nhất là 3.000.000đ, hai bên tự nói miệng với nhau, không có lập thành biên bản. Hiện tại thì bà N, ông M còn nợ lại của ông H số tiền là 67.000.000đ.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Hồng N và ông Hồ Văn M trả cho ông Phạm Văn H số tiền 67.000.000đ (Sáu mươi bảy triệu đồng). Ông H yêu cầu tính lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 24/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- *Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Trần Hồng N trình bày*: Trước dịch Côvid 19 bà N và ông M có vay của ông Phạm Văn H số tiền 70.000.000đ, có làm giấy cho mượn tiền, bà và ông M có ký tên, ghi họ tên vào, trong số tiền 70.000.000đ đã vay bà N, ông M đã trả cho ông H nhiều lần nhưng không làm giấy tờ biên nhận gì, bà N không nhớ chính xác số tiền cụ thể của từng lần trả, có vài lần bà trả bằng hình thức chuyển khoản, bà sẽ sao kê và cung cấp cho Tòa án. Thời gian gần đây ông H có lấy của bà các tài sản như 01 bộ bàn ghế, 01 hồ kiếng để nuôi cá và 01 máy thở oxi cho cá với giá trị khoảng 3.000.000đ. Bà N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do bà N, ông M đã thanh toán tiền cho ông H nhiều lần rồi.

- *Tại bản tự khai bị đơn ông Hồ Văn M trình bày*: Ông M thống nhất với lời trình bày của bị đơn bà Trần Hồng N, ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 24/02/2022 bà N, ông M có vay của ông H số tiền 70.000.000đ, có làm giấy cho mượn tiền, bà N và ông M có ký tên và ghi họ tên vào, bà N và ông M thừa nhận nên đây là tình tiết không phải chứng minh. Bà N trình bày bà đã nhiều lần trả tiền cho ông H nhưng mỗi lần trả không làm giấy tờ biên nhận gì, bà N không nhớ từng lần trả cụ thể, số tiền trả cụ thể của từng lần, cũng không có ai làm chứng, có một vài lần trả tiền cho ông H thông qua hình thức là chuyển khoản, nhưng bà N không cung cấp được là bà N dùng số tài khoản nào của ngân hàng nào đến số tài khoản nào của ngân hàng nào để chuyển khoản trả tiền cho ông H. Tòa án đã thông báo cho bà N, ông M cung cấp tài liệu chứng cứ về việc trả tiền nhưng bà N, ông M không cung cấp nên không có cơ sở để xem xét ý kiến của bà N, ông M về việc trả tiền. Đồng thời, bà N, ông M còn trình bày là ông bà có gán cho ông H một số tài sản có giá trị khoảng 3.000.000đ, nguyên đơn cũng thừa nhận điều này, số tiền này được khấu trừ vào số tiền gốc. Do đó, ông H yêu cầu Tòa án buộc bà N, ông M phải thanh toán cho ông H số tiền gốc 67.000.000đ là có cơ sở để chấp nhận. Về tiền lãi thì theo giấy cho mượn tiền không thể hiện có thỏa thuận lãi suất, bà N, ông M không trình bày về lãi suất nên đề nghị Hội đồng xét xử tính lại lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm, tương đương 0.83%/tháng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận

định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và lãi nên quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện bị đơn bà N, ông M cư trú tại ấp F, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 24/02/2022, bà N, ông M vay số tiền 70.000.000đ của ông H, thời hạn thanh toán là 01 tháng tính từ ngày vay, ngày 23/11/2023 ông H nộp đơn khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Quốc L, bị đơn bà Trần Hồng N, ông Hồ Văn M có đơn xin vắng mặt căn cứ theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về nội dung vụ án: Ngày 24/02/2022 ông H cho bà N, ông M vay số tiền 70.000.000đ, có làm giấy cho mượn tiền, giấy cho mượn tiền là do bà N viết, bà N và ông M có ký tên, ghi họ tên vào. Bà N trình bày bà đã nhiều lần trả tiền cho ông H nhưng mỗi lần trả không làm giấy tờ biên nhận gì, bà N không nhớ từng lần trả cụ thể, số tiền trả cụ thể của từng lần, cũng không có ai làm chứng, có một vài lần trả tiền cho ông H thông qua hình thức là chuyển khoản, nhưng bà N không cung cấp được là bà N dùng số tài khoản nào của ngân hàng nào đến số tài khoản nào của ngân hàng nào để chuyển khoản trả tiền cho ông H. Tòa án đã thông báo cho bà N, ông M cung cấp tài liệu chứng cứ về việc đã trả tiền cho ông H nhưng bà N, ông M không cung cấp, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét ý kiến của bà N, ông M về việc đã trả tiền cho ông H. Ông H thừa nhận đã lấy của bà N, ông M 01 bộ bàn ghế, 01 chậu kiếng nuôi cá và 01 máy thở oxy cho cá với giá trị 3.000.000đ, ông H đồng ý khấu trừ số tiền này, hiện tại bà N và ông H còn nợ của ông H số tiền gốc là 67.000.000đ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền gốc 67.000.000đ là có căn cứ và có cơ sở chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất là 1,5%/tháng, tuy nhiên trong giấy cho mượn tiền ngày 24/02/2022 không thể hiện có thỏa thuận lãi suất, bà N, ông M không thừa nhận lãi suất nên Hội đồng xét xử tính lại lãi suất theo quy định của Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm (tương đương 0.83%/tháng) tính từ ngày 24/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 28/6/2024 là: 28 tháng 04 ngày là 15.707.000đ.

Tổng cộng số tiền bà N, ông M có trách nhiệm thanh toán cho ông H là 82.707.000đ.

[6] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92 và các Điều 147, 184, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn H đối với bị đơn bà Trần Hồng N, ông Hồ Văn M về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Trần Hồng N, ông Hồ Văn M phải liên đới thanh toán cho ông Phạm Văn H số tiền là 82.707.000đ (T mươi hai triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng). Trong đó: 67.000.000đ (Sáu mươi bảy triệu đồng) tiền gốc và 15.707.000đ (Mười lăm triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ bản án có hiệu lực pháp luật nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tính lãi suất 1.5%/tháng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Trần Hồng N, ông Hồ Văn M phải liên đới nộp 4.135.000đ (Bốn triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Ông Phạm Văn H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002842 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Ông Phạm Văn H được hoàn trả 1.450.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Thị Kim Khoa